TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 12 năm 2023

"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Doanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quang Đương;
2. Ông Nguyễn Gia Khải.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXX-ST ngày 17/11/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1996.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Thái Bình.

(chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh M vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các tài liệu chứng cứ đã xuất trình và tại đơn xin xét xử vắng mặt thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có yêu cầu khởi kiện trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 25/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã Q và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 8/2019 giữa 02 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống và không có tiếng nói chung, anh M vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Thái Bình, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn M.

Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là cháu Đặng Thu H, sinh ngày 27/10/2017, hiện đang ở cùng bố mẹ đẻ anh M. Ly hôn, chị đề nghị xin được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị T làm nghề lao động tự do, thu nhập 1 tháng là 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh Đặng Văn M trình bày như sau:* Về quá trình, điều kiện kết hôn, như chị Nguyễn Thị T trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thành phố Hà Nội và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân khoảng 01 năm, hiện anh M đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Thái Bình. Nay chị T xin ly hôn thì anh M không đồng ý. Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là cháu Đặng Thu H, sinh ngày 27/10/2017, hiện đang ở cùng bố mẹ anh tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Ly hôn, anh M đề nghị xin được nuôi con chung và nhờ bố mẹ anh nuôi cháu H đến khi anh chấp hành án xong, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản xác minh với gia đình anh Đặng Văn M Thể hiện:* Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 25/4/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại gia đình anh M thời gian ngắn, sau đó chuyển lên thành phố Hà Nội làm ăn sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh M có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi người sống một nơi, hiện vợ chồng sống ly thân, anh M đang chấp hành án tại trại giam Công an tỉnh Thái Bình. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh M có 01 con chung là Đặng Thu H, sinh ngày 27/10/2017, hiện con chung đang ở cùng gia đình anh M, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Vợ chồng chị T, anh M không có tài sản chung.

- *Tại biên bản xác minh với cơ sở thôn P, cán bộ tư pháp xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình thể hiện:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn M là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 25/4/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại xã Q thời gian ngắn, sau đó chuyển lên thành phố Hà Nội làm ăn sinh sống và lao động tự do. Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh M có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cơ sở thôn không nắm được, hiện vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, anh M đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Thái Bình. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị T, anh M có 01 con chung là Đặng Thu H, sinh ngày 27/10/2017, ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Cơ sở thôn không nắm rõ.

- *Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn M là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa… nhưng anh M vắng mặt do đang chấp hành án. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân và địa chỉ của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị T, anh M được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/4/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Q, huyện Quỳnh Phụ và lao động tự do. Quá trình chung sống đến tháng 8/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh M đang chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Thái Bình, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không hỏi han, chia sẻ với nhau. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù biết được việc chị T đề nghị ly hôn nhưng anh M không đồng ý ly hôn và anh cũng không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ hôn nhân. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị được ly hôn anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn M có 01 con chung là Đặng Thu H, sinh ngày 27/10/2017. Ly hôn chị T, anh M đều đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của chị T, anh M là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên anh M đang chấp hành án không có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất của con chung, Hội đồng xét xử cần giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh M phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Đặng Văn M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn M.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đặng Thu H, sinh ngày 27/10/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh M phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0005973 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T, anh Đặng Văn M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Quốc Doanh